

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-10-2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hoa

Ông Trần Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa : Bà Lê Thị Xuân – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Hồng H, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú: Xóm 5 (nay là xóm T), xã Nghi T, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị O, sinh năm 1996;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm 5 (nay là xóm T), xã Nghi T, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An;

Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Phạm Hồng H trình bày:

Anh và chị Trần Thị O kết hôn với nhau vào ngày 31 tháng 10 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Nghi T, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2015, anh đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc, chị O và con ở chung với bố mẹ anh. Đến tháng 8 năm 2016, chị O xin phép bố mẹ đi làm việc tại Công ty, bố mẹ anh khuyên bảo chị O ở nhà nhưng không được. Đến tháng 10 năm 2016, chị O về bên ngoại sinh sống. Về phía anh đã hoàn thành hợp đồng lao động ở nước ngoài, về nhà vào tháng 4 năm 2017; nhưng chị O vẫn sống bên nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Đến tháng 8/2018, chị O đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản nhưng không liên lạc và không hỏi ý kiến của anh. Hiện tại, anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị O.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Hồng T, sinh ngày 21/5/2015. Hiện con chung đang ở với anh và được anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng con và anh không yêu cầu chị Trần Thị O phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị O, hiện đang ở ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng qua thân nhân của chị Trần Thị O là ông Trần Văn T và bà Bùi Thị H (bố mẹ đẻ của chị O) đến lần thứ hai mà thân nhân của chị O cũng không cung cấp địa chỉ của chị O ở nước ngoài cho Tòa án biết. Đồng thời cho đến nay, chị O cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ và xét xử vụ án vắng mặt các đương sự bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Trần Văn T và bà Bùi Thị H là bố mẹ đẻ của chị O cho biết: Chị Trần Thị O là con đẻ của ông bà; đã đi lao động tại Nhật Bản từ tháng 8 năm 2018 đến nay; thường xuyên liên lạc về gia đình bằng điện thoại; nhưng do thay đổi nơi làm việc nên chị O không nói rõ địa chỉ cư trú nên ông bà không thể cung cấp địa chỉ của chị O ở nước ngoài cho Tòa án được. Về phía gia đình đã nhận được các văn bản của Tòa án và đã thông tin cho chị O biết việc anh H nộp đơn ly hôn chị tại Tòa án. Chị O đồng ý ly hôn, vì trước đó chị O đã gửi đơn lên Tòa án nhưng anh H không có mặt tại địa phương nên chị O rút đơn về. Tuy nhiên, chị O không có văn bản trình bày ý kiến để Tòa án xem xét. Việc chị Trần Thị O vắng mặt được xác định

là cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Hồng H, cho anh H được ly hôn với chị Trần Thị O. Về con chung: Đề nghị giao cho anh Phạm Hồng H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Hồng T, sinh ngày 21/5/2015 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, anh H không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu và chị O chưa có ý kiến nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung nhưng Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Hồng H có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị O hiện cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, chị Trần Thị O có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn chị Trần Thị O không thể tham gia hòa giải được do vắng mặt tại nơi cư trú và hiện đang ở nước ngoài; Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị O vẫn cố tình vắng mặt.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Phạm Hồng H đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và cung cấp đầy đủ chứng cứ, tài liệu cho Tòa án nhưng do dịch bệnh Covid 19 hạn chế đi lại và cũng do điều kiện công việc nên anh không tham gia phiên tòa được và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh H phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu và chứng cứ mà anh đã nộp cho Tòa án. Chị Trần Thị O hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng

cho chị O thông qua người thân là ông Trần Văn T và bà Bùi Thị H (bố mẹ đẻ của chị O) gồm các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn “Yêu cầu cung cấp địa chỉ của chị O”; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác. Đồng thời, yêu cầu chị O trình bày ý kiến của mình về việc anh H có đơn xin ly hôn. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của chị O cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị O cho Tòa án biết. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai thì ông Trần Văn T và bà Bùi Thị H cho biết: Chị Trần Thị O là con đẻ của ông bà; đã đi lao động tại Nhật Bản từ tháng 8 năm 2018 đến nay; thường xuyên liên lạc về gia đình bằng điện thoại; nhưng do thay đổi nơi làm việc nên chị O không nói rõ địa chỉ cư trú nên ông bà không thể cung cấp địa chỉ của chị O ở nước ngoài cho Tòa án được. Về phía gia đình đã nhận được các văn bản của Tòa án và đã thông tin cho chị O biết việc anh H nộp đơn ly hôn chị tại Tòa án. Chị O đồng ý ly hôn, vì trước đó chị O đã gửi đơn lên Tòa án nhưng anh H không có mặt tại địa phương nên chị O rút đơn về. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 23/9/2021, lần thứ hai vào ngày 08/10/2021 nhưng cả hai lần chị Trần Thị O đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, việc chị Trần Thị O vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ; từ chối khai báo theo quy định tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hồng H và chị Trần Thị O kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghi T, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An vào ngày 31 tháng 10 năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2015, anh H đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc, chị O và con ở chung với bố mẹ anh H. Đến tháng 8 năm 2016, chị O xin phép bố mẹ anh H đi làm việc tại Công ty, bố mẹ anh H có khuyên bảo chị O ở nhà nhưng không được. Đến tháng 10 năm 2016, chị O về bên ngoại sinh sống. Về phía anh H đã hoàn thành hợp đồng lao động ở nước ngoài và về Việt Nam vào tháng 4 năm 2017. Tuy nhiên, vợ chồng không đoàn tụ mà chị O vẫn sống bên nhà bố mẹ đẻ, và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Đến tháng 8 năm 2018, chị O đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản nhưng không liên lạc và không hỏi ý kiến của anh H. Theo công văn số 10612/QLXNC-P5 ngày 06/5/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cung cấp: Chị O đã xuất cảnh ngày 31/7/2018, qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Nay, anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh được ly

hôn với chị Trần Thị O. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Phạm Hồng H và chị Trần Thị O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Phạm Hồng H yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Phạm Hồng H và chị Trần Thị O có 01 con chung. Hiện con chung đang ở với anh H và được anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến lúc trưởng thành. Nguyện vọng của anh H phù hợp với điều kiện thực tế về việc nuôi con và đúng quy định của pháp luật; vì hiện nay, anh H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, còn chị Trần Thị O đang ở nước ngoài và có tình dẫu địa chỉ. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh H. Giao cho anh Phạm Hồng H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Hồng T, sinh ngày 21/5/2015 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, Anh Phạm Hồng H không yêu cầu chị Trần Thị O phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Hồng H không yêu cầu và chị Trần Thị O chưa có ý kiến nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Anh Phạm Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Phạm Hồng H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hồng H được ly hôn chị Trần Thị O.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Hồng H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Hồng T, sinh ngày 21/5/2015 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, anh H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết trong vụ án này; dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Phạm Hồng H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004820 ngày 11/5/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Phạm Hồng H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Hồng H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Chị Trần Thị O có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghi T, huyện Nghi L;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quỳnh